TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **52**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 09 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 962/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê T.L, sinh năm 1992; Địa chỉ: phường T.A, thành phố H, tỉnh T.T.H.

- Chị Nguyễn T.T.D, sinh năm 1988; Địa chỉ: phường P.Đ, thành phố H, tỉnh T.T.H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D tìm hiểu nhau gần 04 năm thì tiến hành kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường T.A, thành phố H, tỉnh T.T.H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào tháng 8/2018. Quá trình chung sống, hai người thường xuyên xảy ra xung đột, cải vả nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình trạng mâu thuẫn gia đình kéo dài không giải quyết được, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn nên hai người thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D có 01 con chung tên là Lê N.P.B.L, sinh ngày 07/01/2019. Hai người thỏa thuận giao cháu L cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh L sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D thỏa thuận mỗi người chịu ½ lệ phí là 150.000 đồng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và thuận tình ly hôn lập ngày 01/02/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D.

- Về con chung: Giao con chung tên là Lê N.P.B.L, sinh ngày 07/01/2019 cho chị Nguyễn T.T.D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê T.L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê T.L và chị Nguyễn T.T.D phải chịu mỗi người ½ lệ phí là 150.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005448 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L và chị D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường T.A, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam